

Số: /2025/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan đến đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại các Tờ trình số 512/TTr-SNNMT ngày 27 tháng 6 năm 2025, số ...../TTr-SNNMT ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quy định liên quan đến đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội.

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 55/2024/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định một số nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố về xác định giá đất cụ thể trên địa bàn thành phố Hà Nội.**

1. Sửa đổi Điều 3 như sau:

**"Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này".

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 của Quy định kèm theo như sau:

**"Điều 6. Tổ chức thực hiện:**

1. Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Tư pháp, Xây dựng, Quy hoạch Kiến trúc; Thuế thành phố Hà Nội và UBND các xã, phường chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao, lĩnh vực và phạm vi quản lý nhà nước.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thuế thành phố Hà Nội, Sở Du lịch, Chi cục Thống kê thành phố Hà Nội, Ngân hàng Nhà nước khu vực I và đơn vị liên quan: Có trách nhiệm cung cấp thông tin để phục vụ công tác xác định giá đất theo quy định trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoặc tổ chức thực hiện định giá đất.

3. Tổ chức tư vấn xác định giá đất chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin, lựa chọn tài sản so sánh, tính chính xác, đầy đủ của các thông tin để áp dụng phương pháp định giá đất, tỷ lệ điều chỉnh các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất tại Điều 5 Quy định này và tính chính xác, trung thực, khách quan của kết quả tư vấn định giá đất theo quy định tại khoản 2 Điều 162 Luật Đất đai năm 2024.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, bổ sung, sửa đổi./."

**Điều 2. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, khoản, điều của Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội**

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

**"Điều 4. Việc rà soát, công bố công khai, lập danh mục và giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp hoặc nằm xen kẹt không có đường giao thông kết nối do Nhà nước quản lý (thực hiện khoản 4 Điều 47 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP)**

1. Hằng năm, căn cứ các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 47 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã (nơi có đất) chủ trì, phối hợp các phòng, đơn vị có liên quan:

a) Rà soát, lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp hoặc nằm xen kẹt không có đường giao thông kết nối do Nhà nước quản lý;

b) Đo đạc xác định vị trí, ranh giới, diện tích của từng thửa đất; xác định nguồn gốc, hiện trạng sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch chi tiết đô thị, nông thôn; xử lý vi phạm pháp luật về đất đai, trật tự xây dựng (nếu có) theo quy định;

c) Đề xuất phương án sử dụng các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định, trong đó:

- Ưu tiên sử dụng các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý vào mục đích công cộng. Việc tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đất đai, xây dựng.

- Trường hợp không sử dụng được vào mục đích công cộng, Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý tại địa phương dự kiến để giao đất, cho thuê đất cho người sử dụng đất liền kề (theo Mẫu số 01 kèm theo Quyết định này).

2. Ủy ban nhân dân cấp xã công bố công khai danh mục tại điểm c khoản 1 Điều này chậm nhất là 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày danh mục được phê duyệt.

Việc công khai được thực hiện trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc liên tục kể từ ngày công bố công khai và được thực hiện đồng thời bằng các hình thức sau:

a) Công khai trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi có đất - nếu có) và ít nhất hai lần trên báo in hoặc báo hình của Trung ương hoặc thành phố Hà Nội (mỗi lần thông báo công khai cách nhau ít nhất 02 ngày làm việc);

b) Truyền thông trên phương tiện truyền thanh của cấp xã một lần/ngày;

c) Niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và các địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý. Việc niêm yết công khai phải được lập thành biên bản, trong đó nêu rõ thời điểm bắt đầu, thời điểm kết thúc niêm yết công khai.

### 3. Lấy ý kiến người dân

Sau khi kết thúc việc công bố công khai tại khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi có đất) tổ chức lấy ý kiến người dân nơi có đất về việc sử dụng các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc liên tục kể từ ngày bắt đầu lấy ý kiến và được thực hiện đồng thời bằng các hình thức sau:

a) Truyền thông trên phương tiện truyền thanh của cấp xã một lần/ngày;

b) Niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và các địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý. Việc niêm yết công khai phải được lập thành biên bản, trong đó nêu rõ thời điểm bắt đầu, thời điểm kết thúc niêm yết công khai;

c) Lấy ý kiến bằng phiếu lấy ý kiến, cụ thể như sau:

- Xây dựng Kế hoạch phát phiếu lấy ý kiến

Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố xây dựng và ban hành Kế hoạch tổ chức phát phiếu lấy ý kiến, gồm các nội dung chính sau: Mục đích, yêu cầu, nội dung, thành phần, thời gian, thời hạn lấy ý kiến, phân

công tổ chức thực hiện, các điều kiện bảo đảm việc tổ chức phát phiếu lấy ý kiến.

Kế hoạch tổ chức phát phiếu lấy ý kiến phải được gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Kế hoạch.

- Thành lập Tổ phát phiếu lấy ý kiến

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi có đất) quyết định thành lập Tổ phát phiếu lấy ý kiến, thành phần gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã là Tổ trưởng, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, người đứng đầu cộng đồng dân cư tại nơi có đất và các thành phần khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

- Công khai thông tin về việc phát phiếu lấy ý kiến

Thông tin về việc phát phiếu lấy ý kiến được công khai bằng một trong các hình thức: Niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, tại nhà văn hóa và các điểm sinh hoạt cộng đồng ở thôn, tổ dân phố; thông báo trực tiếp đến từng hộ gia đình qua hệ thống truyền thanh của thôn, tổ dân phố, điện thoại, các ứng dụng mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật do thôn, tổ dân phố thống nhất thiết lập trong thời gian ít nhất 02 ngày làm việc trước ngày tổ chức phát phiếu lấy ý kiến.

- Tiến hành phát phiếu lấy ý kiến

Tổ phát phiếu gửi trực tiếp phiếu lấy ý kiến (theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định này) đến từng hộ gia đình; thu phiếu theo thời hạn đã được quy định trên phiếu. Tổ phát phiếu tiến hành kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu (theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Quyết định này). Trong quá trình kiểm phiếu, Tổ phát phiếu mời đại diện 02 hộ gia đình chứng kiến việc kiểm phiếu.

Trong thời gian lấy ý kiến, trường hợp người dân có ý kiến, kiến nghị thì nội dung ý kiến, kiến nghị phải được thể hiện bằng văn bản.

Trong thời gian không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tổ chức lấy ý kiến, cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã thực hiện các nội dung sau:

- Lập biên bản kết thúc việc niêm yết công khai và tổng hợp bằng văn bản các nội dung ý kiến, kiến nghị của người dân (ghi rõ số lượng ý kiến đồng ý, không đồng ý và ý kiến khác);

- Giải quyết kiến nghị liên quan theo thẩm quyền (nếu có). Trường hợp cần thiết, tham mưu Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã để chủ trì tiếp thu, giải trình các nội dung ý kiến, kiến nghị của người dân;

- Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.

4. Việc giao đất, cho thuê đất

Trong thời gian không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất của cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý tại địa phương để giao đất, cho thuê đất cho người sử dụng đất liền kề (theo Mẫu số 04 kèm theo Quyết định này).

Sau khi danh mục được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho người sử dụng đất liền kề có nhu cầu sử dụng đất nộp đơn xin giao đất, cho thuê đất tại Ủy ban nhân dân cấp xã (trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày có thông báo).

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp đơn xin giao đất, cho thuê đất, Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo tổ chức rà soát, công bố công khai (theo quy định tại khoản 2 Điều này) và lấy ý kiến của người dân nơi có đất (theo quy định tại khoản 3 Điều này) về việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt tại địa phương cho người sử dụng đất liền kề có nhu cầu.

Việc giao đất, cho thuê đất và xác định giá đất để tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thực hiện theo trình tự, thủ tục của pháp luật về đất đai và phải đảm bảo công khai, minh bạch và dân chủ".

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

**"Điều 8. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất quy định tại các khoản 1, 2, 5, 6 và 7 Điều 4 Luật Đất đai**

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện:

a) Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thuộc thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, quyết định hình thức sử dụng đất của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quy định tại Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

b) Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với phần diện tích đất của các công ty nông, lâm nghiệp được tiếp tục sử dụng theo phương án đã được phê duyệt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 181 Luật Đất đai.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thuộc thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, quyết định hình thức sử dụng đất của Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại Nghị định số 151/2025/NĐ-CP".

3. Bổ sung Điều 14a và Điều 14b vào sau Điều 14 như sau:

**"Điều 14a. Hạn mức giao đất cho các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc** (theo khoản 4 Điều 213 Luật Đất đai)

1. Hạn mức giao đất mới cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trên địa bàn Thành phố để sử dụng vào mục đích quy định tại khoản 1 Điều 213 Luật Đất đai là không quá 4.000 m<sup>2</sup>/cơ sở tôn giáo; trường hợp giao đất để mở rộng cơ sở tôn giáo, diện tích để tính hạn mức giao đất bao gồm cả diện tích đất tôn giáo đã được công nhận quyền sử dụng đất.

2. Đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có nhu cầu sử dụng đất lớn hơn hạn mức quy định tại khoản 1 Điều này thì căn cứ quỹ đất, quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch khác được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định diện tích đất giao đối với từng trường hợp cụ thể".

**"Điều 14b. Hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản** (theo khoản 5 Điều 176 Luật Đất đai)

1. Hạn mức giao đất để sử dụng trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản không quá 02 ha đối với mỗi loại đất.

2. Hạn mức giao đất để sử dụng trồng cây lâu năm không quá 10 ha đối với xã, phường ở đồng bằng; không quá 30 ha đối với xã, phường ở trung du, miền núi.

3. Hạn mức giao đất để sử dụng trồng rừng phòng hộ, rừng sản xuất không quá 30 ha đối với mỗi loại đất".

4. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 17 như sau:

"b) Chủ trì cùng các Sở, ban, ngành Thành phố, Thuê thành phố Hà Nội, Công an Thành phố, Bộ Tư lệnh Thủ đô, Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi có đất) và các đơn vị có liên quan rà soát, thẩm định việc đề xuất nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư của tổ chức kinh tế (thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố) theo quy định tại Chương I phần VII Nghị định số 151/2025/NĐ-CP, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét chấp thuận theo quy định;"

5. Bổ sung điểm đ vào khoản 2 Điều 18 như sau:

"đ) Chỉ đạo cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã chủ trì cùng các Phòng, ban, đơn vị cấp xã, cơ quan thuế, Công an cấp xã, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã và các đơn vị có liên quan rà soát, thẩm định việc đề xuất nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư của tổ chức kinh tế (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp

xã) theo quy định tại Chương I phần VII Nghị định số 151/2025/NĐ-CP, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét chấp thuận theo quy định".

6. Thay thế một số cụm từ tại các Điều, khoản như sau:

a) Thay thế cụm từ "khoản 4 Điều 60 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP" tại Điều 5 bằng cụm từ "Mục 4 Chương I Phần VII Nghị định số 151/2025/NĐ-CP";

b) Thay thế cụm từ "Văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân Thành phố" tại Điều 5 bằng cụm từ "Văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền";

c) Thay thế cụm từ "kể từ ngày Ủy ban nhân dân Thành phố có văn bản chấp thuận" tại khoản 3 Điều 5 bằng cụm từ "kể từ ngày có Văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền";

d) Thay thế cụm từ "Sở Tài nguyên và Môi trường" tại Điều 17, 18, 19 bằng cụm từ "Sở Nông nghiệp và Môi trường";

đ) Thay thế cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp huyện" tại Điều 17, 18, 19 bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã";

e) Thay thế cụm từ "Sở Kế hoạch và Đầu tư" tại Điều 17 bằng cụm từ "Sở Tài chính";

g) Thay thế cụm từ "Cục thuế Thành phố" tại Điều 17 bằng cụm từ "Thuế thành phố Hà Nội";

h) Thay thế cụm từ "Phòng Tài nguyên và môi trường cấp huyện" tại Điều 18 bằng cụm từ "cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã";

7. Bãi bỏ Điều 15 và khoản 2 Điều 16.

8. Các biểu mẫu quy định trong Quyết định này thay thế các biểu mẫu tại Phụ lục II kèm theo Quyết định số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố.

**Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.**

Sửa đổi Điều 5 như sau:

**"Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này".

#### **Điều 4. Quy định chuyển tiếp**

1. Quy định một số nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố về xác định giá đất cụ thể trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 55/2024/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố được tiếp tục áp dụng phạm vi địa giới hành chính quận, huyện, thị xã trước sắp xếp tại các xã, phường sau sắp xếp.

2. Phân loại các xã trong Quy định kèm theo Quyết định số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố được tiếp tục áp dụng phạm vi địa giới hành chính quận, huyện, thị xã trước sắp xếp tại các xã, phường sau sắp xếp.

3. Bảng giá đất tại các Phụ lục (từ Phụ lục số 01 đến Phụ lục số 32) ban hành kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố được tiếp tục áp dụng phạm vi địa giới hành chính quận, huyện, thị xã trước sắp xếp tại các xã, phường sau sắp xếp.

#### **Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

##### **Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Đ/c Bí thư Thành ủy; *(để báo cáo)*
- Văn phòng Chính phủ; *(để báo cáo)*
- Các Bộ: NN&MT, XD, TC, TP; *(để báo cáo)*
- TTTU, TT HĐND Thành phố; *(để báo cáo)*
- Chủ tịch, các PCT UBND Thành phố;
- VP: Thành ủy; Đoàn ĐBQH&HĐND TP;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ; Cổng Giao tiếp ĐT Hà Nội;
- VP UBTP: các PCVP; các phòng CV;
- Trung tâm Truyền thông, Dữ liệu và Công nghệ số thành phố Hà Nội;
- Lưu: VT, NNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Sỹ Thanh**



**Phụ lục I**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ...../2024/QĐ-UBND ngày .... tháng ..... năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

STT	Ký hiệu	Tên mẫu
1	Mẫu số 01	Danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý tại xã/ phường... dự kiến để giao đất, cho thuê đất cho người sử dụng đất liền kề
2	Mẫu số 02	Phiếu lấy ý kiến
3	Mẫu số 03	Biên bản kiểm phiếu
4	Mẫu số 04	Danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý tại địa phương để giao đất, cho thuê đất cho người sử dụng đất liền kề

**Mẫu số 01: Danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý tại xã/ phường... dự kiến để giao đất, cho thuê đất cho người sử dụng đất liền kề**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**XÃ/ PHƯỜNG...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC CÁC THỬA ĐẤT NHỎ HẸP, NẪM XEN KẸT DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ TẠI XÃ/ PHƯỜNG ... DỰ KIẾN ĐỂ GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT CHO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT LIỀN KẸ**

STT	Địa điểm (Số tờ, số thửa, vị trí)	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất	Quy hoạch	Ghi chú
1						
2						
...						

*(Có trích đo thửa đất kèm theo)*

.....  
.....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

....., ngày .... tháng ..... năm ....  
**TM. UBND XÃ/ PHƯỜNG ...**  
**CHỦ TỊCH**  
*Ký tên (đóng dấu)*

**Mẫu số 02: Phiếu lấy ý kiến**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

**PHIẾU LẤY Ý KIẾN**

**Về việc sử dụng các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý  
trên địa bàn xã/ phường....**

Ủy ban nhân dân xã/ phường... lấy ý kiến người dân về việc sử dụng các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý trên địa bàn xã/ phường....

**1. Họ và tên chủ hộ:** .....

Địa chỉ: .....

**2. Nội dung lấy ý kiến:**

Danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý tại địa phương dự kiến để giao đất, cho thuê đất cho người sử dụng đất liền kề đã được Ủy ban nhân dân xã/ phường .... phê duyệt tại Văn bản số ..../UBND-.... ngày .../.../..... (có Danh mục kèm theo).

**3. Ý kiến của hộ gia đình:**

- Đồng ý:

☐

- Không đồng ý:

☐

- Ý kiến khác (nếu có):.....

.....

.....

.....

**4. Thời hạn thu phiếu lấy ý kiến:** 03 ngày kể từ ngày phát phiếu./.

....., ngày .... tháng ..... năm .....

**Chủ hộ**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:** Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm đóng dấu treo ở phía trên bên trái của phiếu lấy ý kiến.

**Mẫu số 03: Biên bản kiểm phiếu**

UBND THÀNH PHỐ  
UBND XÃ/ PHƯỜNG....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU**  
**Về việc phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình về....**

Hôm nay, vào hồi ..... giờ ..... phút, ngày ..... tháng .... năm ..... tại.....,  
Tổ phát phiếu tiến hành kiểm phiếu lấy ý kiến hộ gia đình trong xã, phường....

Nội dung phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình: .....

Tổ phát phiếu lấy ý kiến hộ gia đình gồm các ông (bà) có tên sau:

1. Ông (bà) ..... Tổ trưởng
2. Ông (bà) ..... Thành viên
3. Ông (bà) ..... Thành viên

Đại diện hộ gia đình chứng kiến việc kiểm phiếu gồm:

1. Ông (bà) .....
  2. Ông, (bà) .....
- Thời gian phát phiếu: .....
- Thời hạn thu phiếu: .....

**Kết quả kiểm phiếu phiếu lấy ý kiến hộ gia đình như sau:**

- Tổng số hộ gia đình trong xã, phường: .....
- Số hộ gia đình tham gia: ....., chiếm tỷ lệ .....%
- Số hộ gia đình không tham gia: ....., chiếm tỷ lệ .....%
- Số phiếu phát ra: ..... phiếu
- Số phiếu thu về: ..... phiếu
- Số phiếu hợp lệ: ..... phiếu
- Số phiếu không hợp lệ: ..... phiếu

**Kết quả cụ thể:**

1. Số phiếu đồng ý: ..... phiếu ..... chiếm tỷ lệ .....%
2. Số phiếu không đồng ý: ..... phiếu ..... chiếm tỷ lệ .....%
3. Các ý kiến khác (nếu có): .....

Biên bản kiểm phiếu lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau.

**TỔ TRƯỞNG**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**CÁC THÀNH VIÊN TỔ PHÁT**  
**PHIẾU**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH CHỨNG KIẾN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 04: Danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý tại địa phương để giao đất, cho thuê đất cho người sử dụng đất liền kề

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ/ PHƯỜNG ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC CÁC THỬA ĐẤT NHỎ HẸP, NẪM XEN KẸT DO NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ TẠI ĐỊA PHƯƠNG ĐỂ GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT CHO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT LIỀN KẸ

STT	Địa điểm (Số tờ, số thửa, vị trí)	Diện tích (m²)	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất	Quy hoạch	Mục đích sử dụng đất	Ghi chú
1							
2							
...							

(Có trích đo thửa đất kèm theo)

NGƯỜI LẬP BIỂU  
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày .... tháng ..... năm ....  
TM. UBND XÃ/ PHƯỜNG ...  
CHỦ TỊCH  
Ký tên (đóng dấu)